TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HS-ST
Ngày 12- 3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Mai Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bồ Thị Hoa.

Ông Hoàng Trọng Giáp.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Thị Anh Đào –Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà*:** Ông Vũ Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:05/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn V –Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 17/11/2000, tại Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn 4 (T), xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 và bà Trịnh Thị H, sinh năm 1972 (ông H, bà H đã ly hôn) hiện Bà H cư trú tại Thôn 4 (T), xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái; Vợ con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: 01, Ngày 25/10/2018, Nguyễn Văn V bị Trưởng Công an xã Q, huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi "Trộm cắp tài sản", nhưng chưa chấp hành; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Tạm giam". Hiện bị tạm giam từ ngày 31/10/2018 tại trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đỗ Viết Kh, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái

- *Bị hại*:

1. Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1944 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 4 (T), xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái

2. Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1960 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố số 5, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái

- *Người làm chứng:*

1. Bà Hoàng Thị Nh, sinh năm 1943 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 4 T, xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái.

2. Anh Ngọc Văn S, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4 T, xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái.

3. Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 4 T, xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dụng vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn V, sinh ngày 17/11/2000 là cháu ngoại của bà Hoàng Thị C, sinh năm 1944 và ở cùng nhà với bà C tại thôn 4 (T), xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái. Khoảng 08 giờ ngày 29/10/2018, sau khi bà C bán cau được 255.000 đồng, cho bị cáo V 55.000 đồng, đút số tiền 200.000 đồng còn lại vào túi quần bên trái và đi bộ ra ngoài đường. Lúc này, bị cáo V nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền của bà C nên đuổi theo sau quát bà C đứng lại, dùng tay trái móc vào túi quần của bà C định lấy tiền nhưng bà C dùng hai tay túm chặt vào túi quần. Bị cáo V dùng sức kéo, giật hai tay bà C ra nhưng không được, hai bên giằng co một lúc thì bị cáo V gạt mạnh tay vào người bà C làm bà ngã xuống đất, hai tay buông khỏi túi quần. Do sợ hãi nên bà C không dám chống cự nữa, bị cáo V thò tay vào trong túi quần của bà C, lấy đi 200.000 đồng. Sau đó, bị cáo V vào nhà lấy chiếc xe đạp đi tìm nơi mua chất ma túy để sử dụng, trên đường đi bị cáo V gặp ông Hà Tô L là Phó Trưởng Công an xã Q, nghĩ hành vi vi phạm của mình bị phát hiện nên bị cáo V bỏ xe đạp, chạy bộ đến khu vực Ủy ban nhân dân xã Q, gọi điện thoại cho Ngọc Văn S (sinh năm 1978, trú cùng thôn với bị cáo), nhờ S đi mua hộ một tép ma túy. Khi S đến, V đưa cho S 200.000 đồng rồi đi bộ về đến gần nhà thì bị Công an xã Q đưa về trụ sở để làm việc.

Ngoài vụ trên, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định Nguyễn Văn V còn 02 lần thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 07 giờ ngày 05/10/2018, bị cáo V ngồi trong nhà thuộc thôn 4 (T), xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái nhìn ra sân thấy bà ngoại của mình là Hoàng Thị C đứng quay lưng lại và đang cất tiền vào chiếc túi vải đeo trên người (đeo qua cổ) nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà C. Bị cáo chạy đến sau lưng của bà C, dùng hai tay cầm vào dây đeo, giật nhanh từ dưới lên trên làm chiếc túi rời khỏi người bà C. Bị cáo cầm túi chạy vào trong nhà, lấy toàn bộ số tiền 150.000 đồng trong đó và vứt túi lại. Sau đó, bị cáo đi lên thành phố L, tỉnh Lào Cai, dùng tiền chiếm đoạt được mua chất ma túy của một người đàn ông không quen biết và sử dụng hết cho bản thân.

Vụ thứ hai: Khoảng 20 giờ ngày 30/10/2018, Nguyễn Văn V vào nhà ông Nguyễn Xuân Q ở tổ dân phố số 5, thị trấn C, huyện T chơi. Nói chuyện một lúc thì bị cáo V xin phép đi vệ sinh, khi qua buồng ngủ bị cáo nhìn vào trong buồng thấy 01 chiếc ví da màu nâu - đen treo trên vách tường, bị cáo đã vào và mở ví ra

thấy có tiền nên đã chiếm đoạt số tiền 1750.000 đồng trong ví, đút vào túi quần đi ra ngoài chào ông Q ra về. Sau khi chiếm đoạt được số tiền bị cáo đi xe ôm đến khu vực xã V, huyện T mua chất ma túy của một người đàn ông không quen biết và sử dụng.

Khoảng 09 giờ ngày 31/10/2018, ông Q kiểm tra ví và phát hiện thấy mất tiền nên đã làm đơn trình báo với cơ quan Công an huyện T. Sáng 31/10/2018 Nguyễn Văn V có mặt tại Cơ quan CSĐT - Công an huyện T để làm việc liên quan đến vụ chiếm đoạt tài sản của bà Hoàng Thị C ngày 29/10/2018, khi được yêu cầu bỏ toàn bộ tài sản trong người ra thì V giao nộp 01 chiếc ví, trong có 1.265.000 đồng. Khi được được hỏi về nguồn gốc tiền, V khai đó là tiền lấy trộm của ông Nguyễn Xuân Q còn lại sau khi đã sử dụng một phần tiền để trả tiền xe ôm và mua chất ma túy để sử dụng.

Vật chứng, tài sản thu giữ: 1.465.000 đồng (200.000 đồng do Ngọc Văn S giao nộp; 1.265.000 đồng do bị cáo Nguyễn Văn V giao nộp); 01 chiếc ví giả da màu vàng - xanh, bề mặt có nhiều họa tiết, đã cũ, đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động bàn phím nổi nhãn hiệu Masstel màu đen (Đây là chiếc điện thoại của bị cáo V).

Tại bản kết luận giám định số 223/KLGĐ ngày 14/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận: "*Tổng số tiền 1.465.000đồng (một triệu bốn trăm sáu mươi năm nghìn đồng) gửi giám định đều là tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.*"

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKSTY ngày 23/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái truy tố Nguyễn Văn V về các tội: "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự; "Cướp giật tài sản" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự; "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà bị cáo Nguyễn Văn V đã khai báo thành khẩn, thừa nhận toàn bộ các hành vi phạm tội của bản thân như bản cáo trạng của Đại diện Viện kiểm sát huyện T, tỉnh Yên Bái là đúng.

Bị hại bà Nguyễn Thị C xác nhận sự việc và cũng xác định về tình hình sức khoẻ tuy tuổi cao nhưng sức khoẻ bình thường, không mắc các chứng bệnh nan y, chưa bao giờ điều trị tại các bệnh viện; không yêu cầu bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại ông Nguyễn Xuân Q vắng mặt nhưng đã có lời khai xác nhận đã nhận lại một phần tiền và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T áp dụng Điều 319 của Bộ luật tố tụng hình sự rút một phần quyết định truy tố và đề nghị chuyển tội truy tố "Cướp tài sản" từ điểm e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự sang khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự; chuyển tội "Cướp giật tài sản" từ điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự sang khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự; giữ nguyên tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội "Cướp tài sản"; "Cướp giật tài sản" và "Trộm cắp tài sản";

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm i khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 18 đến 24 tháng tù về tội " Cướp tài sản"; Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm i khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 09 đến 12 tháng tù về tội " Cướp giật tài sản"; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 91, 101 của Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 06 đến 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 3 tội, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 31/10/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: CQĐT đã trả lại số tiền 200.000 đồng cho người bị hại Hoàng Thị C; Trả lại cho người bị hại Nguyễn Xuân Q số tiền 1.265.000 đồng; Chiếc điện thoại bàn phím nổi nhãn hiệu Masstel màu đen không liên quan đến tội phạm được trao trả cho bà Hoàng Thị C; Trả lại cho bị cáo 01 chiếc ví giả da.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra.

Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà người bào chữa cho bị cáo thống nhất về tội danh, nhất trí việc chuyển khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 01 năm đến 02 năm tù về tội " Cướp tài sản"; Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 06 tháng đến 01 năm tù về tội " Cướp giật tài sản"; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 91, 101 của Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 04 đến 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, những người bị hại và người làm chứng, phù hợp với biên bản hiện

trường, phù hợp với các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 29/10/2018, tại khu vực cổng nhà thôn 4 (T), xã Q, huyện T, sau khi định giật tiền trong túi quần của bà Hoàng Thị C nhưng không được, Nguyễn Văn V đã dùng tay kéo, giật hai tay bà C ra khỏi túi quần đựng tiền đang nắm giữ, gạt tay vào người bà làm bà C ngã xuống đất, phải buông tay ra khỏi túi quần không dám chống cự nữa và V đã lấy số tiền 200.000 đồng trong túi quần của bà C. Như vậy Nguyễn Văn V đã có hành vi dùng V lực ngay tức khắc làm cho bà C lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt số tiền 200.000 đồng của bà C. Ngoài ra, Nguyễn Văn V còn thực hiện hai vụ khác, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 07 giờ, ngày 05/10/2018, tại khu vực nhà ở của bà Hoàng Thị C thôn 4 (T), xã Q, huyện T, lợi dụng khi bà C đứng quay lưng lại không để ý, Nguyễn Văn V đã nhanh chóng thực hiện hành vi giật chiếc túi vải bên trong có đựng số tiền 150.000 đồng ra khỏi người bà C và bỏ chạy, chiếm đoạt số tiền trên.

Vụ thứ 2: Khoảng 20 giờ ngày 30/10/2018 tại gia đình ông Nguyễn Xuân Q tại tổ dân phố số 5, thị trấn C, huyện T lợi dụng sự sơ hở Nguyễn Văn V lén lút chiếm đoạt số tiền 1.750.000 đồng. Số tiền do Nguyễn Văn V chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng, song trước đó V đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản bằng hình thức phạt tiền nhưng đến ngày phạm tội chưa thi hành nên không được coi như chưa bị xử phạt.

Bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi của mình mà vẫn phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành các tội "Cướp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 168, tội "Cướp giật tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 171 và tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi và nhân thân của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chỉ trong thời gian ngắn từ 05/10/2018 đến 30/10/2018 bị cáo đã ba lần thực hiện hành vi phạm tội, những hành vi đó của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự tại địa phương, thể hiện tính coi thường pháp luật của bị cáo. Động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo là vụ lợi cá nhân. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo phải được xét xử nghiêm minh.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội đối với người bị hại là bà Hoàng Thị C đã trên 70 tuổi, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với tội "Cướp tài sản" và tội " Cướp giật tài sản".

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với cả ba tội "Cướp tài sản", "Cướp giật tài sản" và tội "Trộm cắp tài sản"; Phạm tội gây thiệt hại không lớn đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với tội "Trộm cắp tài sản"; Bị hại bà Hoàng Thị C xin giảm nhẹ cho bị cáo

đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với tội "Cướp tài sản", "Cướp giật tài sản".

Từ những nhận định trên, trên cơ sở xem xét toàn diện tính chất, mức độ, hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe, giáo dục phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nên khi lượng hình cần áp dụng thêm các quy định đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định tại Điều 91, 101 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 91 của Bộ luật hình sự: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

[5] Tại phiên toà Viện kiểm sát nhân dân huyện T áp dụng Điều 319 của Bộ luật tố tụng hình sự rút một phần quyết định truy tố và đề nghị chuyển tội "Cướp tài sản" từ điểm e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự sang khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự; chuyển tội "Cướp giật tài sản" từ điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự sang khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự; giữ nguyên tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Tại phiên toà, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên mức hình phạt từ 01 năm đến 02 năm tù về tội "Cướp tài sản", từ 06 tháng đến 01 năm tù về tội "Cướp giật tài sản", từ 04 đến 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" đối với Nguyễn Văn V. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo nên được chấp nhận.

[7] Các đối tượng khác:

- Đối với Ngọc Văn S, sinh năm 1978 – trú tại thôn 4 (T), xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái: Sau khi bị cáo cướp được 200.000đồng đã đưa tiền nhờ S mua hộ ma tuý, nhưng bị cáo không nói cho S biết nguồn gốc số tiền, S cũng không biết việc làm của bị cáo nên không cấu thành tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Ngọc Văn S khai báo không có ý định đi mua ma tuý hộ bị cáo mà đợi sau khi làm việc xong sẽ rủ bị cáo cùng đi mua ma tuý về sử dụng, không có ý định kiếm lời nên không cấu thành tội là đúng quy định pháp luật.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý của Nguyễn Văn V và Ngọc Văn S đã bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Đối với người đàn ông bán ma tuý cho Bị cáo và Ngọc Văn S qua xác minh không xác định được con người cụ thể là ai, nên không đủ căn cứ để xử lý, tiếp tục xác minh và xử lý khi đủ căn cứ là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bồi thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng, tài sản khác:

- Đối với số tiền 1.465.000đồng cơ quan đã trả lại cho bà Hoàng Thị C và ông Nguyễn Văn Q là phù hợp.

- Đối với điện thoại bàn phím nổi nhãn hiệu Masstel màu đen không liên quan đến tội phạm được trao trả cho bà Hoàng Thị C là phù hợp.

- Đối với Chiếc ví giả da của bị cáo xét thấy không liên quan đến tội phạm nên trả cho bị cáo theo quy định tại Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội "Cướp tài sản", "Cướp giật tài sản" và "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm i khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Văn V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội " Cướp tài sản".

- Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm i khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Văn V 09 (chín) tháng tù về tội " Cướp giật tài sản".

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 91, 101 của Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Văn V 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt cả ba tội buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 31.10.2018.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật hình sự. Trả lại cho bị cáo 01 ví giả da màu vàng – xanh *(Đặc điểm chi tiết toàn bộ vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái).*

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo; bị hại;Người bào chữa;(3)
- Trại tạm giam;
- THA hình sự (2);
- Lưu hồ sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Phạm Mai Hằng